TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 520/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-12-2022
"V/v Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Len

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lên
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Nga Muội – Là Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 700/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2022 về việc *"Tranh chấp Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 492/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm: 1976;
Cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C . (xin vắng mặt).
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm: 1976;
Cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C . (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2022 và lời trình bày nguyên đơn anh Ngô Văn T có tại hồ sơ, thể hiện:

Về hôn nhân: Anh và chị K chung sống với nhau đến năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời. Vợ chồng có ba người con chung: Cháu Nguyễn Bảo A, sinh năm 1998, cháu Ngô Chí T1, sinh năm 2002, cháu Ngô Bé T2, sinh năm 2004 các con đã trưởng thành.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh xét thấy không còn tình cảm với chị K, mối quan hệ hôn nhân không đạt được anh yêu cầu ly hôn với chị K.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị K đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Anh Ngô Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị K, chị K có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là "*Tranh chấp ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về vắng mặt đương sự:* Anh Ngô Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị K đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị K là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Theo anh T trình bày, anh và chị K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời năm 1997, hiện tại giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc không còn. Tại công văn số 424/UBND-VP ngày 07/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây về việc tra cứu sổ bộ lưu kết hôn giữa Ngô Văn T và Nguyễn Thị K, tại văn bản Ủy ban xã Khánh Bình Tây xác nhận *"Đối chiếu sổ bộ lưu hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã từ năm 1997 đến ngày 07/11/2022 sổ bộ lưu kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau đã thất lạc, không còn quản lý công dân Ngô Văn T, sinh năm 1976 và Nguyễn Thị K, sinh năm 1976"*. Việc anh Ngô Văn T cho rằng anh và chị Nguyễn Thì Kiều có đăng ký kết hôn năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng nghĩa vụ cung cấp, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn, nhưng nguyên đơn không cung cấp được, do đó không có cơ sở xác định giữa anh T, chị K có đăng ký kết hôn. Như vậy hôn nhân của anh, chị không hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn anh T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh xét thấy không còn tình cảm với chị K, yêu cầu Tòa án chấp nhận cho ly hôn với chị K. Xét yêu cầu của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng anh T, chị K chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị K.

[2.2] Xét về con chung của anh T, chị K đã trưởng thành, không yêu cầu Toàn án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản, nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này anh T và chị K không thỏa thuận được với nhau về tài sản, nợ phát sinh tranh chấp có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] *Xét về án phí:* Anh T là người yêu cầu nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị K.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Ngô Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng. Ngày 08/11/2022 anh T đã dự nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 300.000 đồng theo biên lai số 0005665 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Án sơ thẩm xét xử công khai: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát quyền kháng nghị theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Len